

Name: _____

Date: .../.../20...

Class: S2

Tel: 034 200 9294

GLOBAL ENGLISH 2

Unit 1: A day at school – Grammar 3

A. Grammar.

❖ Present simple (Thì hiện tại đơn)

- Câu khẳng định với động từ chỉ hành động:

Công thức	Ví dụ
I/You/We/They + V (nguyên thể)	- I sing. (Tôi hát.)
He/She/It + V (s/es)	- He sings. (Anh ấy hát.)

V: động từ

*Lưu ý:

- Đa số động từ đều được thêm “s” : *makes, walks, reads, sings, draws, writes, uses...*
- Một số động từ được thêm “es” khi đứng sau **He/She/It**: *goes, passes, washes, teaches, watches,...*

B. Homework.

I. Circle the correct answer. (Khoanh tròn đáp án đúng)

0. She _____ books every day.
A. read **B. reads** C. reading
1. Mom _____ the computer in the evening.
A. uses B. use C. using
2. He _____ me how to cook.
A. teach B. teachs C. teaches
3. Bob _____ a white rabbit.
A. draws B. draw C. drawing
4. They _____ to Mary's house at 9 o'clock.
A. goes B. go C. going
5. I _____ fast (*nhanh*).
A. walks B. walking C. walk

II. Tick (✓) in the box. (Con hãy đánh dấu ✓ vào ô đúng)

0. <i>I go to school at 6 o'clock.</i>	<input checked="" type="checkbox"/>	3. <i>She do Maths at 6 o'clock.</i>	<input type="checkbox"/>
<i>I to school go at 6 o'clock.</i>	<input type="checkbox"/>	<i>She does Maths at 6 o'clock.</i>	<input type="checkbox"/>
1. <i>It go after me.</i>	<input type="checkbox"/>	4. <i>They watch TV at home.</i>	<input type="checkbox"/>
<i>It goes after me.</i>	<input type="checkbox"/>	<i>They watches TV at home.</i>	<input type="checkbox"/>
2. <i>We sing in our room.</i>	<input type="checkbox"/>	5. <i>I makes a red cake.</i>	<input type="checkbox"/>
<i>We sings in our room.</i>	<input type="checkbox"/>	<i>I make a red cake.</i>	<input type="checkbox"/>

III. Choose the correct verb form. (Chọn dạng đúng của động từ)

0. <i>We (play) piano every morning.</i>	A. plays	<input checked="" type="radio"/> B. play
1. <i>Joey (bake) a cake in the afternoon.</i>	A. bake	B. bakes
2. <i>She (wash) her clothes in the evening.</i>	A. washs	B. washes
3. <i>He (go) to school every day.</i>	A. goes	B. go
4. <i>They (teach) English at school.</i>	A. teach	B. teaches
5. <i>I (wear) black pants today.</i>	A. wear	B. wears

IV. Rearrange the sentences. (Con hãy sắp xếp thành câu có nghĩa)

0. *go / I / to school / by bike.*

⇒ *I go to school by bike.*

1. *in the garden. / grows / Danny / a lemon tree*

⇒ _____.

2. *I / bread / eat / for breakfast.*

⇒ _____.

3. *at 10 o'clock. / washes / My sister / the dishes*

⇒ _____.

4. *We / the music / hear / from the TV.*

⇒ _____.

Con nghe bài theo link sau:

https://drive.google.com/file/d/1Ddw-GPYgHnzd8rtFKyIluWXhG2_n4GL/view?usp=sharing

Link dự phòng: <https://www.youtube.com/watch?v=bUlmROvegvE> (00:00 – 5:00)

Listening

Part I

- 5 questions -

Listen and draw lines. There is one example.



I. Write the correct day in the order of time. (Con điền ngày theo thứ tự chính xác)

0.	Monday	Tuesday
1.	Wednesday	_____
2.	Friday	_____
3.	Sunday	_____
4.	Thursday	_____

II. Tick (✓) in the box. (Con hãy đánh dấu ✓ vào ô đúng)

0. <i>I go to school at 6 o'clock.</i>	<input checked="" type="checkbox"/>	3. <i>It six o'clock.</i>	<input type="checkbox"/>
<i>I to school go at 6 o'clock.</i>	<input type="checkbox"/>	<i>It's six o'clock.</i>	<input type="checkbox"/>
1. <i>What time is it?</i>	<input type="checkbox"/>	4. <i>John wakes up at 5 o'clock.</i>	<input type="checkbox"/>
<i>What is time it?</i>	<input type="checkbox"/>	<i>John wakes up in 5 o'clock.</i>	<input type="checkbox"/>
2. <i>It's 8 seven o'clock.</i>	<input type="checkbox"/>	5. <i>I have breakfast 8 o'clock.</i>	<input type="checkbox"/>
<i>It's seven o'clock.</i>	<input type="checkbox"/>	<i>I have breakfast at 8 o'clock.</i>	<input type="checkbox"/>